

Số: 25/2024/QĐST-DS

H, ngày 29 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 3 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 5 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 16/2024/TLST - DS ngày 22 tháng 3 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP P (O).

Trụ sở chính: 41 & 45 đường L, phường B, quận A, Tp .

Mã số doanh nghiệp: 0300852005 do Sở K cấp, đăng ký lần đầu ngày 10/05/1996, đăng ký thay đổi lần thứ 34 ngày 22/10/2019.

Người đại diện theo pháp luật: Trịnh Văn T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Minh Đ - Chức vụ: GD T1.

Địa chỉ: Một phần tầng 1, tầng lửng, tầng 2 và tầng 3 của Lô 01-02 dự án H, đường P, P. Đ, TP T, tỉnh Thanh Hóa.

Người được ủy quyền lại: Bà Hoàng Thị Ngọc A - sinh năm 1984

Ông Nguyễn Trung C - sinh năm 1989

Đều có địa chỉ: Lô A P, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị **Lê Thị Hồng N** - sinh năm 1994
Địa chỉ: **Khu T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.**
Anh **Trương Văn C1** - sinh năm 1988
Nơi ĐKKHKT: **Khu T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.**
Hiện nay anh **C1** đang chấp hành án tại **Trại giam S, Y, thị trấn T, huyện Y, Thanh Hóa.**

Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về số tiền nợ:

Tính đến ngày 21/5/2024, chị **N** và anh **C1** công nhận còn nợ **ngân hàng TMCP P** số tiền cụ thể theo các Hợp đồng tín dụng sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 061/2022/HĐTD-CN ngày 07/01/2022:

Số tiền vay: 273.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi ba triệu đồng)

Đã trả: 52.325.000 đồng

Còn lại: Nợ gốc: 220.675.000 đồng

Nợ lãi (trong hạn: 1.015.560 đồng, quá hạn: 9.090.579 đồng)

Tổng cả gốc và lãi: 230.781.139 đồng.

2. Hợp đồng tín dụng số 122/2022/HĐTD-CN ngày 29/03/2022:

Số tiền vay: 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng)

Đã trả: 10.500.000 đồng

Còn lại: Nợ gốc: 49.500.000 đồng

Nợ lãi (trong hạn: 250.730 đồng, quá hạn: 2.038.366 đồng)

Tổng cả gốc và lãi: 51.789.096 đồng

3. Hợp đồng tín dụng số 202/2021/HĐTD-CN ngày 24/05/2021:

Số tiền vay: 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm triệu đồng)

Đã trả: 651.037.384 đồng

Còn lại: Nợ gốc: 1.848.962.616 đồng

Nợ lãi: (trong hạn: 3.367.907 đồng, quá hạn: 76.952.843)

Tổng cả gốc và lãi: 1.929.283.366 đồng

4. Hợp đồng tín dụng số ST23028374/2023/CNG/HĐTD ngày 21/09/2023

Hợp đồng tín dụng số ST23028374/2023/CNG/HĐTD ngày 21/09/2023

Số tiền vay: 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng)

Đã trả: 10,000,000 đồng

Còn lại: Nợ gốc: 290.000,000 đồng

Nợ lãi: (trong hạn: 1.000.755 đồng, quá hạn: 11.675.449 đồng)

Tổng cả gốc và lãi: 302.676.204 đồng.

Tổng nợ gốc và nợ lãi mà anh C1 và chị N còn nợ của Ngân hàng TMCP P theo 4 Hợp đồng nêu trên là:

Nợ gốc: 2.409.137.616 đồng
Nợ lãi: Trong hạn: 5.634.952 đồng
Nợ lãi: Quá hạn: 99.757.237 đồng
Tổng cộng: 2.514.529.805 đồng

2. Về thời gian trả nợ: Các bên đương sự thống nhất, thỏa thuận:

Anh **Trương Văn C1** và chị **Lê Thị Hồng N** phải thanh toán một phần số tiền quá hạn là 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng) trong tháng 5 năm 2024, sau khi thanh toán xong số tiền này thì ngân hàng sẽ đồng ý cho chị **N** và anh **C1** trả dần số tiền gốc lãi còn lại với phương án như sau:

- Kỳ 1, ngày 25/06/2024 trả 1.000.000 tiền nợ gốc
- Kỳ 2, ngày 25/07/2024 trả 1.000.000 tiền nợ gốc
- Kỳ 3, ngày 25/08/2024 trả 1.000.000 tiền nợ gốc
- Kỳ 4, ngày 25/09/2024 trả 1.000.000 tiền nợ gốc
- Kỳ 5, ngày 25/10/2024 trả 1.000.000 tiền nợ gốc
- Kỳ 6, ngày 25/11/2024 trả 1.000.000 tiền nợ gốc
- Kỳ 7, ngày 25/12/2024 trả 1.000.000 tiền nợ gốc
- Kỳ 8, ngày 25/01/2025 trả 1.000.000 tiền nợ gốc
- Kỳ 9, ngày 25/02/2025 trả 1.000.000 tiền nợ gốc
- Kỳ 10, ngày 20/03/2025 chị **N** và anh **C1** phải tất toán toàn bộ số tiền nợ còn lại (bao gồm nợ gốc, nợ lãi còn lại và nợ lãi phát sinh từ ngày 22/05/2024 cho đến khi tất toán khoản nợ theo mức lãi suất đã ký kết trong hợp đồng tín dụng nêu trên cho Ngân hàng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày thỏa thuận (22/5/2024), anh **C1** và chị **N** vẫn phải tiếp tục chịu lãi suất trên số tiền nợ gốc còn phải thi hành theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng đã nêu trên cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. (Tất toán ngày nào tính lãi đến ngày đó).

Trường hợp chị **N** và anh **C1** vi phạm nghĩa vụ bất kì kỳ trả nợ nào thì ngân hàng sẽ yêu cầu cơ quan Thi hành án thi hành toàn bộ tài sản thế chấp anh chị đã thế chấp khi vay vốn tại Ngân hàng, tài sản là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 925733, số vào sổ cấp GCN: CH07220 do **UBND huyện H**, tỉnh Thanh Hóa, cấp ngày 30/12/2016 chủ sở hữu bà **Lê Thị Hồng N** và Ông **Trương Văn C1** tại thửa đất số 378A-377C, tờ bản đồ số 5A, địa chỉ thửa đất tại **khu A, nay là khu T, thị trấn H, huyện H**, diện tích 85,4m².

Tài sản trên đất: Nhà cấp 4, diện tích xây dựng 65m², diện tích sàn 190m², 03 tầng; kết cấu nhà ở: Tường xây gạch khung cột bê tông chịu lực, mái bê tông cốt thép, năm hoàn thành xây dựng 2016.

Tài sản thế chấp đã được công chứng theo Hợp đồng thế chấp tài sản số

202/2021/BĐ-CN ngày 24/05/2021 tại Văn phòng C2 đã được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện H.

Về án phí: Các đương sự thống nhất, thỏa thuận: Anh Trương Văn C1 và chị Lê Thị Hồng N chịu trách nhiệm nộp 41.145.298đ (Bốn mươi một triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm chín mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP P số tiền tạm ứng án phí là 40.386.000đ theo Biên lai thu số 0003218 ngày 21/3/2024 đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hậu Lộc.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các Đương sự;
- VKSND huyện Hậu Lộc;
- Chi cục THADS huyện Hậu Lộc;;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Tạ Văn Tuyên